



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC
NAM ĐỊNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC
NAM ĐỊNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Hà Nội, tháng 08 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Toàn	Chủ tịch
Ông Trần Văn Điệp	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 12/04/2014
Bà Hứa Thị Anh Đào	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 12/04/2014
Ông Trần Quốc Hưng	Ủy viên
Ông Đoàn Quyết Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Đức	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 12/04/2014
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 12/04/2014

Ban Giám đốc

Ông Trần Quốc Hưng	Giám đốc
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Giám đốc (Kiểm Kế toán trưởng)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trọng kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Quốc Hưng
Giám đốc
Nam Định, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Số: 331/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/08/2014, từ trang 03 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong kỳ, Công ty chưa xây dựng và ban hành đơn giá làm cơ sở để xác định quỹ tiền lương của năm 2014. Tổng giá trị tiền lương theo các bảng tính lương từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 là 460.619.914 đồng, Công ty đã chi trả cho người lao động là 399.436.186 đồng, tuy nhiên, Công ty mới ghi nhận vào chi phí bán hàng với số tiền 126.720.000 đồng. Nếu ghi nhận theo bảng tính lương thực tế thì chi phí trong kỳ của Công ty sẽ tăng thêm 333.899.914 đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		9.806.354.948	10.992.388.980
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	738.756.997	3.025.729.105
1. Tiền	111		738.756.997	3.025.729.105
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.102.759.139	6.319.671.733
1. Phải thu khách hàng	131	5	4.826.294.126	6.224.477.273
2. Trả trước cho người bán	132		-	95.194.460
3. Các khoản phải thu khác	135	6	276.465.013	-
III. Hàng tồn kho	140	7	3.912.947.436	1.593.814.440
1. Hàng tồn kho	141		3.945.146.436	1.626.013.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.199.000)	(32.199.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		51.891.376	53.173.702
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		652.114	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		665.560	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	50.573.702	53.173.702
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220)	200		4.411.371.325	4.499.390.159
I. Tài sản cố định	220		4.411.371.325	4.499.390.159
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.411.371.325	4.499.390.159
- Nguyên giá	222		6.215.264.087	6.249.788.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.803.892.762)	(1.750.397.928)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		14.217.726.273	15.491.779.139

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		3.569.281.025	4.611.177.391
I. Nợ ngắn hạn	310		3.569.281.025	4.611.177.391
1. Phải trả người bán	312	10	3.533.317.299	4.455.189.941
2. Người mua trả tiền trước	313		26.998.025	22.030.657
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-	121.430.697
4. Phải trả người lao động	315		-	847.383
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.031.231	7.778.748
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.934.470	3.899.965
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		10.648.445.248	10.880.601.748
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	10.648.445.248	10.880.601.748
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		414.720.000	414.720.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		289.768.370	239.768.370
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		169.778.873	119.778.873
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(225.821.995)	106.334.505
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		14.217.726.273	15.491.779.139

Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hưng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12.418.636.587	9.388.873.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	12	12.418.636.587	9.388.873.775
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	13	11.676.120.608	8.597.509.069
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		742.515.979	791.364.706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		72.553.528	49.565.000
7. Chi phí tài chính	22		-	60.833.333
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	60.833.333
8. Chi phí bán hàng	24		608.732.266	575.318.350
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		433.136.107	466.356.734
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(226.798.866)	(261.578.711)
11. Thu nhập khác	31		976.871	5.403.626
12. Chi phí khác	32		-	5.402.311
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		976.871	1.315
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(225.821.995)	(261.577.396)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(225.821.995)	(261.577.396)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	15	(226)	(262)

Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hưng
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	14.266.493.031	12.436.607.714
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(15.915.438.499)	(11.154.000.276)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(399.436.186)	(357.081.100)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(60.833.333)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(107.294.188)	(34.211.054)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	72.797.276	91.853.627
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(207.347.942)	(1.023.321.746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.290.226.508)	(100.986.168)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.254.400	3.965.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.254.400	3.965.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	3.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(2.286.972.108)	402.978.832
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.025.729.105	712.987.720
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	738.756.997	1.115.966.552

Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hưng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách - Thiết bị trường học Nam Định thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp ngày 05/01/2005; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 02/07/2014 với mã số doanh nghiệp là 0600004422. Vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 20 (tại ngày 31/12/2013 là 20).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác. Sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm.
- Liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán

Nhật ký chứng từ.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sách chậm luân chuyển, Ban Giám đốc đã xem xét một cách thận trọng dự phòng giảm giá sách dựa trên kinh nghiệm trong những năm qua. Năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập 5%, 10% hoặc 15% trên giá trị sách chậm luân chuyển tùy thuộc từng mặt hàng sách. Tại thời điểm 30/06/2014, Ban Giám đốc Công ty đánh giá không phải tiếp tục trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian sử dụng ước tính</u> (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải	08 - 09
Thiết bị quản lý	03 - 05

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Phân phối lợi nhuận của Công ty thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	145.315.437	383.031.912
Tiền gửi ngân hàng	593.441.560	2.642.697.193
Cộng	<u>738.756.997</u>	<u>3.025.729.105</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	629.593.820	45.121.421
Bà Nguyễn Văn Bích	451.874.579	822.730
Phòng Giáo dục Giao Thủy (Phụ trách Tiểu học)	212.468.176	212.468.176
Công ty Cổ phần Phát hành sách Nam Hà	178.084.479	-
Công ty TNHH Văn hóa Ngọc Bình	133.441.645	133.445.797
Phòng Giáo dục Nam Trực (Phụ trách Tiểu học)	120.409.901	170.409.901
Ông Trần Tất Mạnh	107.912.638	100.015.102
Trường THPT Nguyễn Bính	101.226.359	101.226.359
Bà Lê Thị Nga	87.016.750	-
Ông Phạm Văn Trường	73.618.480	-
Phòng Giáo dục Trực Ninh (Phụ trách Tiểu học)	69.107.636	103.661.001
Trường THPT Ngô Quyền	62.964.724	-
Phòng Giáo dục Ý Yên	57.362.105	107.362.105
Doanh nghiệp Thiết bị dạy học Trần Tuấn	49.539.456	49.539.456
Đối tượng khác	2.491.673.378	5.200.405.225
Cộng	4.826.294.126	6.224.477.273

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Số dư nợ của tài khoản lương và các khoản phải trả người lao động	271.868.803	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	4.596.210	-
Cộng	276.465.013	-

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng hoá	3.945.146.436	1.626.013.440
Cộng	3.945.146.436	1.626.013.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.199.000)	(32.199.000)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	3.912.947.436	1.593.814.440

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	50.573.702	53.173.702
Cộng	50.573.702	53.173.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	4.974.932.590	687.247.857	587.607.640	6.249.788.087
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(34.524.000)	(34.524.000)
Tại ngày 30/06/2014	4.974.932.590	687.247.857	553.083.640	6.215.264.087
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	671.164.538	509.625.750	569.607.640	1.750.397.928
Khấu hao trong năm	53.085.349	30.433.485	4.500.000	88.018.834
Giảm khác	-	-	(34.524.000)	(34.524.000)
Tại ngày 30/06/2014	724.249.887	540.059.235	539.583.640	1.803.892.762
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2014	4.303.768.052	177.622.107	18.000.000	4.499.390.159
Tại ngày 30/06/2014	4.250.682.703	147.188.622	13.500.000	4.411.371.325

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 703.988.370 VND (tại ngày 01/01/2014 là 703.988.370 VND).

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	1.847.873.100	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	766.234.820	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển trường Phổ thông Công nghệ giáo dục	749.692.537	-
Nhà sách Giáo dục Bình Minh	141.572.560	341.572.560
NXB giáo dục tại TP.Đà Nẵng	13.997.500	13.997.500
Công ty TNHH Dịch vụ Văn hoá Việt	5.010.240	5.010.240
Nhà sách Minh Đức	-	1.579.931.978
Công ty TNHH Nhật Minh Minh Anh	-	886.389.702
Trung tâm nghiên cứu và sản xuất học liệu	-	743.670.311
Nhà sách Bùi Thị Hồng Lan	-	482.885.700
Công ty TNHH Sách giáo dục Hải Anh	-	153.405.280
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Hà Nội	-	106.461.500
Nhà sách Ngô Thu Huyền	-	92.805.672
Đối tượng khác	8.936.542	49.059.498
Cộng	3.533.317.299	4.455.189.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	10.000.000.000	414.720.000	239.768.370	119.778.873	(75.862.267)	10.698.404.976
Lãi trong năm	-	-	-	-	182.196.772	182.196.772
Số dư tại ngày 31/12/2013	10.000.000.000	414.720.000	239.768.370	119.778.873	106.334.505	10.880.601.748
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(225.821.995)	(225.821.995)
Phân phối lợi nhuận	-	-	50.000.000	50.000.000	(106.334.505)	(6.334.505)
Số dư tại ngày 31/12/2014	10.000.000.000	414.720.000	289.768.370	169.778.873	(225.821.995)	10.648.445.248

Chi tiết chủ sở hữu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.353.000.000	1.353.000.000
Ông Đặng Quốc Toàn	1.800.000.000	1.800.000.000
Ông Nguyễn Văn Đức	708.000.000	708.000.000
Cổ đông khác	6.139.000.000	6.139.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000

Theo Nghị quyết số 03/NQ-NABECO ngày 12/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông về việc phân chia lợi nhuận và trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Giá trị
	VND
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển	50.000.000
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	50.000.000
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	6.334.505
Cộng	106.334.505

12. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- <i>Doanh thu bán hàng hoá</i>	12.418.636.587	9.388.873.775
	12.418.636.587	9.388.873.775
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	-	-
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	-	-
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.418.636.587	9.388.873.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Giá vốn cung cấp hàng hoá	11.676.120.608	8.597.509.069
Cộng	11.676.120.608	8.597.509.069

14. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	219.692.978	217.449.296
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.018.834	129.016.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.886.021	34.676.327
Chi phí khác	637.270.540	660.533.454
Cộng	1.041.868.373	1.041.675.084

15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(225.821.995)	(261.577.396)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(225.821.995)	(261.577.396)
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	1.000.000	1.000.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(226)	(262)

Số cổ phiếu

	30/06/2014 Cổ phiếu	01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	738.756.997	-	3.025.729.105	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.102.759.139	-	6.224.477.273	-
	5.841.516.136	-	9.250.206.378	-
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			3.536.348.530	4.462.968.689
			3.536.348.530	4.462.968.689

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	738.756.997	3.025.729.105
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	10.648.445.248	10.880.601.748
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác, như cổ phiếu.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	738.756.997	-	-	738.756.997
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.102.759.139	-	-	5.102.759.139
	5.841.516.136	-	-	5.841.516.136
Tại ngày 30/06/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.536.348.530	-	-	3.536.348.530
	3.536.348.530	-	-	3.536.348.530
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.305.167.606	-	-	2.305.167.606
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.025.729.105	-	-	3.025.729.105
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.224.477.273	-	-	6.224.477.273
	9.250.206.378	-	-	9.250.206.378
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.462.968.689	-	-	4.462.968.689
	4.462.968.689	-	-	4.462.968.689
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.787.237.689	-	-	4.787.237.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. NGHIỆP VỤ PHÁT SINH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/06/2013</u>
	VND
Tiền lương, thưởng Ban Giám đốc	76.269.000
Cộng	<u>76.269.000</u>

18. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ có một hoạt động duy nhất là kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác. Sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm... tại địa bàn tỉnh Nam Định. Do đó, Ban Giám đốc quyết định không lập báo cáo bộ phận.

19. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu tại thời điểm 31/12/2013, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số trên báo cáo tài chính cho năm tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hưng
Giám đốc